

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố Đơn giá nhân công xây dựng năm 2021  
trên địa bàn tỉnh Kiên Giang**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ Xây dựng ban hành Định mức xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định các chỉ tiêu Kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 2073/TTr-SXD ngày 24 tháng 9 năm 2021.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Đơn giá nhân công xây dựng năm 2021 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang (đính kèm bảng Đơn giá nhân công xây dựng năm 2021).

**Điều 2.** Phạm vi điều chỉnh và Đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:



Quyết định này công bố đơn giá nhân công xây dựng để xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng bao gồm: sơ bộ tổng mức đầu tư, tổng mức đầu tư, dự toán xây dựng, giá gói thầu xây dựng, giá xây dựng công trình, chỉ số giá xây dựng, dự toán các công tác tư vấn xây dựng.

## 2. Đối tượng áp dụng:

a) Đơn giá nhân công xây dựng này là cơ sở để các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan làm căn cứ xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng các dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công và dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP) theo quy định tại Khoản 1 Điều 2 của Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

b) Khuyến khích các tổ chức, cá nhân áp dụng các quy định này để thực hiện quản lý chi phí đầu tư xây dựng các dự án sử dụng vốn khác.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc (Thủ trưởng) các Sở, ban ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/10/2021. *Thanh*

### Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Xây dựng;
- TT.Tỉnh ủy; TT. HĐND tỉnh;
- CT và các PCT.UBND tỉnh;
- LĐVP, P. KT, P. TH;
- Website tỉnh;
- Lưu: VT, cvquoc.



**Nguyễn Thanh Nhân**



**ĐƠN GIÁ NHÂN CÔNG XÂY DỰNG NĂM 2021  
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KIÊN GIANG**

Quyết định số 2430/QĐ-UBND ngày 13/10/2021  
của Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang)

Đơn vị tính: đồng.

STT	Nhóm nhân công xây dựng	Đơn giá nhân công xây dựng bình quân theo khu vực			
		Cấp bậc bình quân	Vùng II	Vùng III	Vùng IV
<b>1</b>	<b>Công nhân xây dựng trực tiếp</b>				
1.1	Nhóm I	3,5/7	230.001	211.679	197.747
1.2	Nhóm II	3,5/7	236.080	222.103	208.401
1.3	Nhóm III	3,5/7	243.374	226.647	212.169
1.4	Nhóm IV				
1.4.1	Vận hành máy, thiết bị thi công xây dựng	3,5/7	248.679	232.764	221.359
1.4.2	Lái xe các loại	2/4	248.679	232.764	221.359
<b>2</b>	<b>Nhóm nhân công khác</b>				
2.1	Vận hành tàu, thuyền				
2.1.1	Thuyền trưởng, thuyền phó	1,5/2	416.356	387.308	367.942
2.1.2	Thủy thủ, thợ máy, thợ điện	2/4	319.000	296.000	280.000
2.1.3	Máy trưởng, máy I, máy II, điện trưởng, kỹ thuật viên cuốc, kỹ thuật viên cuốc II tàu sông	1,5/2	346.894	322.692	306.558
2.1.4	Máy trưởng, máy I, máy II, điện trưởng, kỹ thuật viên cuốc, kỹ thuật viên cuốc II tàu biển	1,5/2	396.923	369.231	350.769
2.2	Thợ lặn	2/4	570.000	534.000	509.000
2.3	Kỹ sư khảo sát, thí nghiệm, kỹ sư trực tiếp	4/8	260.000	246.000	237.000
2.4	Nghệ nhân	1,5/2	540.000	504.000	479.000